

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2022/ HNGĐ - ST

Ngày 28 - 9 - 2022

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giới
2. Ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Đặng Thanh Tùng – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
tham gia phiên tòa:** ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 42 /2022/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và số 54/2022/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị D.

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Đào Ngọc S.

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh Đào Ngọc S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thị xã) Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh vào tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn hai người về chung sống tại thôn T, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Vì mâu thuẫn nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2019. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù chị đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị D nhận thấy tình cảm dành cho anh S không còn, cuộc sống chung của hai người không có hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: giữa chị D và anh S có hai con chung tên là Đào Anh D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và Đào Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2011. Khi ly hôn, chị D nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Đào Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về các phiên họp, phiên hòa giải theo quy định nhưng đều vắng mặt.

** Khi tiến hành xác minh, người thân của anh S cung cấp thông tin như sau:*

Anh S và chị D kết hôn năm 2006, sau đó về chung sống tại thôn T, xã B, thị xã Đông Triều. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó lại làm lành với nhau. Anh S là lao động tự do, vì hoàn toàn cảnh kinh tế khó khăn nên phải đi làm xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà nhưng vẫn gửi tiền về cho các con và thường xuyên gọi điện về nhà. Việc chị D xin ly hôn, người thân trong gia đình đã thông tin cho anh S biết, anh S có quan điểm không đồng ý ly hôn chị D. Về con chung, anh S và chị D có hai con chung hiện nay đang ở với chị D, nếu bố mẹ ly hôn việc muốn ở với ai là do các cháu tự quyết định. Những giấy tờ Tòa án gửi về, người thân anh S đều đã thông tin cho anh S biết nhưng người thân của anh S không ký nhận giấy tờ vì không muốn anh S và chị D ly hôn. Nếu vẫn cương quyết ly hôn thì do chị D tự quyết định.

** Khi tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Anh S và chị D kết hôn năm 2006, sau đó về chung sống tại thôn T, xã B, thị xã Đông Triều. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ, hiện nay chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống còn anh S đi làm thỉnh thoảng mới về nhà. Vợ chồng anh S, chị D có hai con chung hiện nay đang ở với mẹ. Về tài sản chung, nợ chung của anh S, chị D địa phương không nắm rõ.

** Tại biên bản lấy lời khai của con chưa thành niên, các cháu Đào Anh D và Đào Quang V đều khai:*

Từ trước đến nay các cháu vẫn ở cùng bố mẹ cháu. Được bố mẹ quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho cháu ăn học. Quá trình chung sống giữa bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn. Nếu bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa thì các cháu đều có nguyện

vọng được ở cùng mẹ cháu vì cháu thấy ở với mẹ thì các cháu được chăm sóc đầy đủ hơn.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Đào Ngọc S; giao các con chung chưa thành niên cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không phải cấp dưỡng cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đào Ngọc S hiện đang cư trú tại xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14 giờ 00 ngày 22 tháng 8 năm 2022 nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (lần thứ nhất), do đó Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 ngày 09 tháng 9 năm 2022. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh S theo quy định; tại phiên tòa ngày 09 tháng 9 năm 2022 chị D vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) nên Tòa án đã tiếp tục hoãn phiên tòa đến 15 giờ ngày 28 tháng 9 năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa anh S vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đỗ Thị D và anh Đào Ngọc S tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị D và anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và thông tin về việc thụ lý, giải quyết vụ án cho người thân (bố, mẹ) của anh S biết. Anh S có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án và cũng không gặp gỡ chị D để vợ chồng hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn trở về đoàn tụ với nhau.

Điều đó thể hiện anh S cũng không còn tình cảm với chị D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: chị Đỗ Thị D và anh Đào Ngọc S có hai con chung tên là Đào Anh D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và Đào Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2011. Khi vợ chồng ly thân, các con chung vẫn ở cùng chị D, được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, trong khi đó anh S không có quan điểm cụ thể về việc nuôi dưỡng con chung. Khi được hỏi ý kiến, các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với chị D. Vì vậy, cần giao các con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, chị D không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng các con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị Đỗ Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Đào Ngọc S.

2. *Về con chung*: chị Đỗ Thị D có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Đào Anh D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và Đào Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2011 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đào Ngọc S không phải cấp dưỡng cho các con.

Anh Đào Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

3. *Về án phí*: chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009510 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyền

Trần Hữu Trung

Tô Thị Bích Hồng

